

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/3/2019

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con C
giữa chị T và anh C”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huệ.

2. Bà Vũ Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh – Thư ký Tòa án huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị lan Hương -Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1981

Đăng ký HKTT: Thôn Đạ, xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 39, phân trại x, Trại giam H, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa có mặt chị T, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn được bổ sung bằng bản tự khai ngày 13/12/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy C tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 15/11/2003. Sau khi kết hôn,

vợ chồng sinh sống tại xã A và lao động tự do. Quá trình C sống do vợ chồng tính tình không hợp, anh C chơi bời nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tháng 3/2016 mâu thuẫn căng thẳng, chị T trở về thị trấn N (*Quê bố mẹ đẻ*) sinh sống và sống ly thân, còn đối với anh C tháng 8/2016 bị bắt và bị xử phạt 07 năm tù về tội “*mua bán trái phép chất ma túy*”, hiện đang chấp hành án tại trại giam H, tỉnh Hải Dương. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh C.

- Về con C: Chị T khai vợ chồng có 02 con C là Nguyễn Duy L, sinh ngày 16/12/2003 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/8/2014, hiện hai con C đang ở với chị từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ly hôn xảy ra, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con C và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con C.

- Về tài sản C: Chị T khai vợ chồng không có tài sản C, không có nợ C và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn là anh Nguyễn Duy C: Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt anh C trình bày: Anh xác nhận như lời khai của chị T về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian C sống của vợ chồng. Nay anh xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị xin được đoàn tụ. Về con C: Anh C xác nhận vợ chồng có 02 con C là Nguyễn Duy L, sinh ngày 16/12/2003 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/8/2014, hiện đang ở với chị T. Nếu ly hôn xảy ra, anh đề nghị giao 02 con C cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa cấp dưỡng nuôi con C cho anh. Về tài sản: Anh C xác nhận vợ chồng không có tài sản C và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến nhận xét. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh C, vì hai bên đã sống ly thân thời gian dài, mâu thuẫn đã trầm trọng; Giao 02 con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung; Chị T và anh C không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết; Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kiều T khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Duy C. Anh C là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng

thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện đang thụ án trong trại giam, đã được Tòa án lấy lời khai và đã tổng đặt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án. Bị đơn đã viết bản tự khai và viết đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Duy C được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/11/2003 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã A và lao động tự do. Quá trình chung sống do hai bên tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tháng 3/2016 mâu thuẫn căng thẳng, chị T trở về gia đình bố mẹ đẻ ở thị trấn N sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay, còn đối với anh C, sau khi sống ly thân, tháng 8/2016 bị bắt và bị xử phạt 07 năm tù về tội “*mua bán trái phép chất ma túy*”, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam H, tỉnh Hải Dương. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị được ly hôn anh C. Đối với anh C tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai, anh xác định vợ chồng tình cảm vẫn còn và đề nghị được xin đoàn tụ, do anh hiện ở trại giam không về Tòa án tham gia tố tụng được, anh viết đơn xin xử án vắng mặt. Qua điều tra xác minh thân nhân anh C, cơ sở thôn Đ và cán bộ Tư pháp xã A cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, bản thân chị T đã tự về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh C thời gian dài, quá trình tố tụng, Tòa án đã hòa giải để chị T trở về đoàn tụ, nhưng chị T đều cự tuyệt tình cảm và đề nghị xin được ly hôn anh C. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh C là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Xét đề nghị của chị T, anh C về nuôi dưỡng con chung cho thấy, con chung hiện đang sinh sống với chị T kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh C đề nghị nếu ly hôn xảy thì đề nghị giao hai con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu L cũng có đơn gửi Tòa án bày tỏ nguyện vọng xin được sinh sống cùng với mẹ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T về giao và nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Chị T và anh C đều xác nhận không có tài sản và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn anh Nguyễn Duy C.

2/Về con C: Xử giao hai con C Nguyễn Duy L, sinh ngày 16/12/2003 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 14/8/2014 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền thăm nom con chung.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003839 ngày 13/12/2018 thành tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND xã A.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC